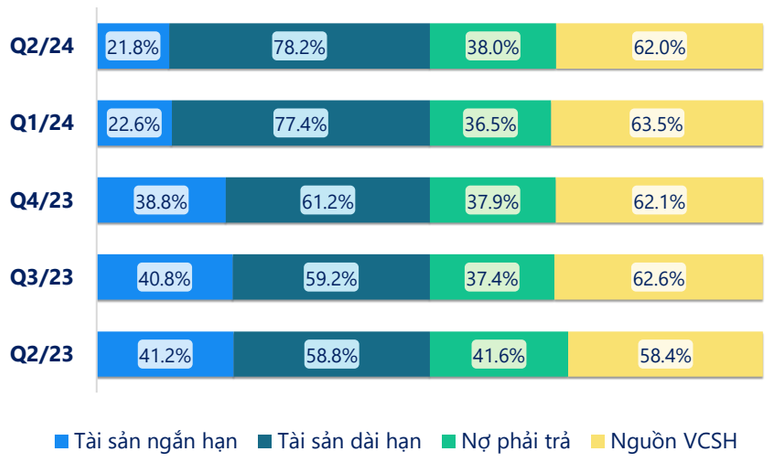
FireAnt

CTCP Tập đoàn Danh Khôi (HNX: NRC)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	4,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	92,597,762
KLGD BQ 20 phiên (CP)	427,010
% sở hữu nước ngoài	5.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	426
P/E	7.8
EPS	592

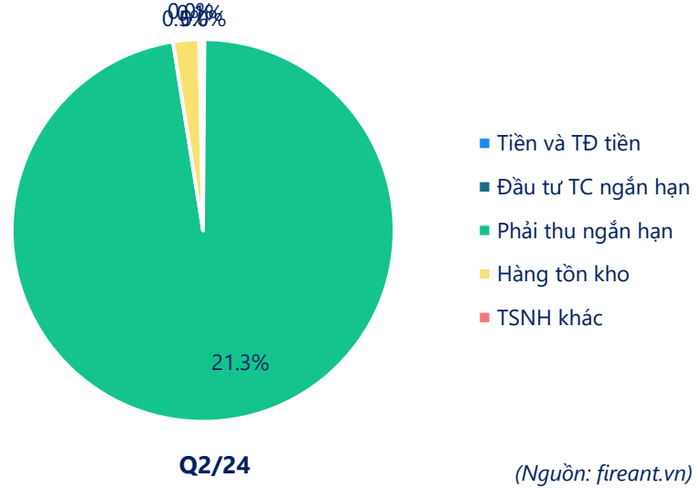
	YTD	1T	3T	6T
NRC	-4.2%	-4.2%	-9.8%	-4.2%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản



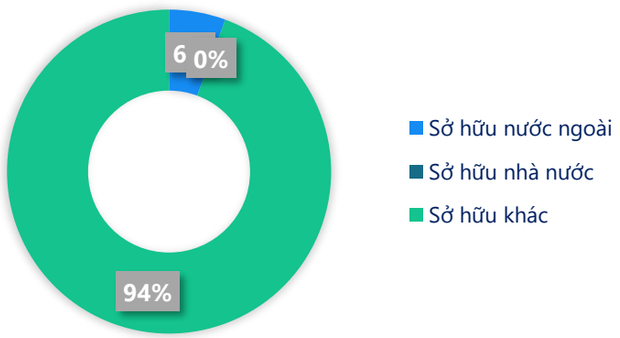
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



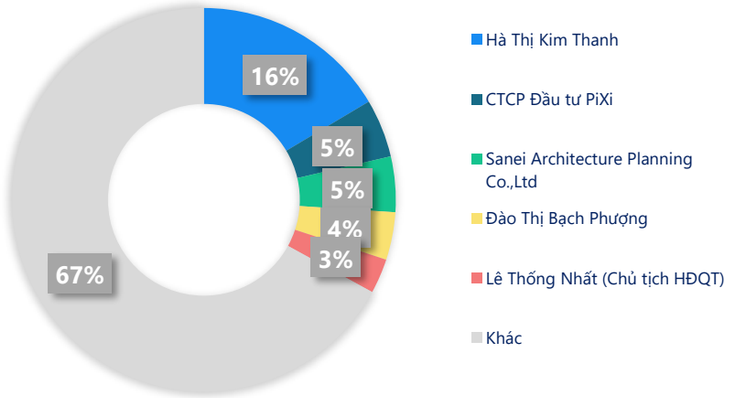
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



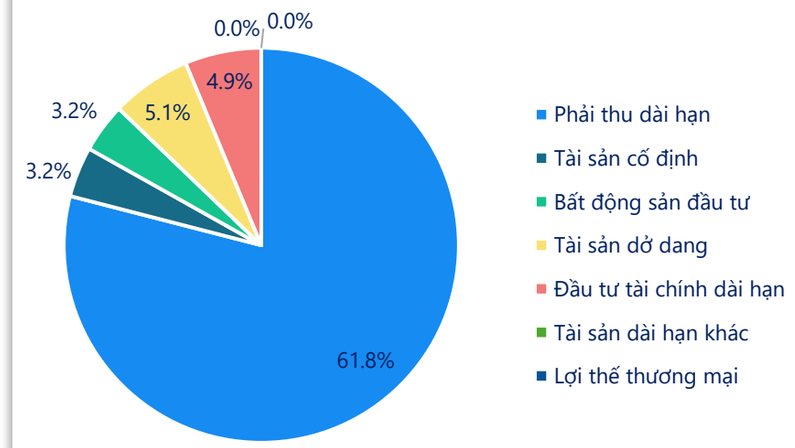
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

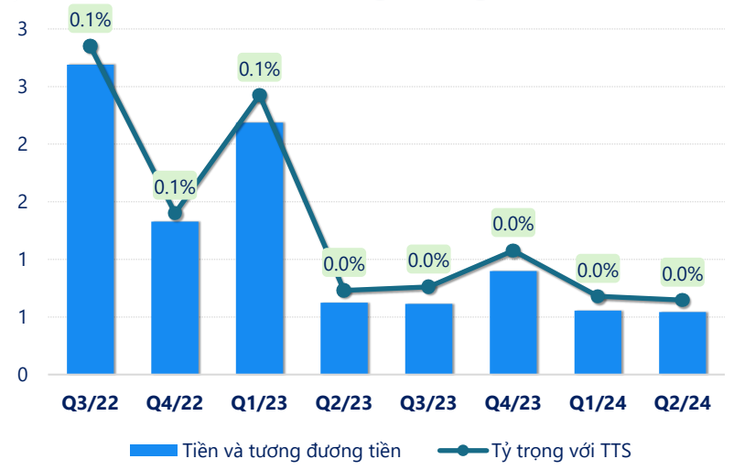


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

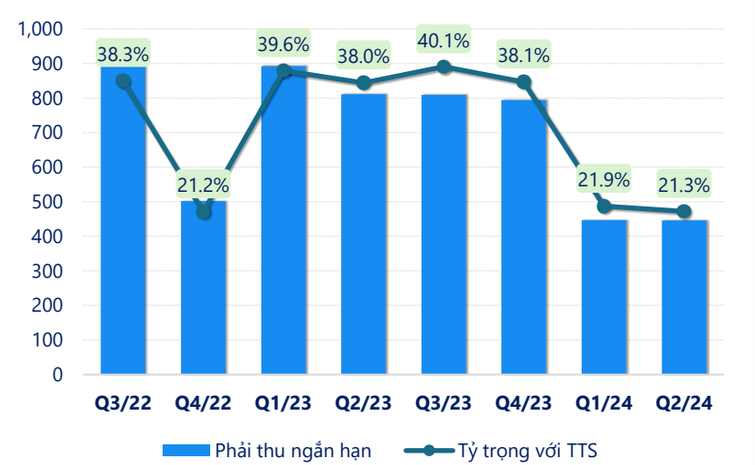
CTCP Tập đoàn Danh Khôi (HNX: NRC)

Tiền và tương đương tiền



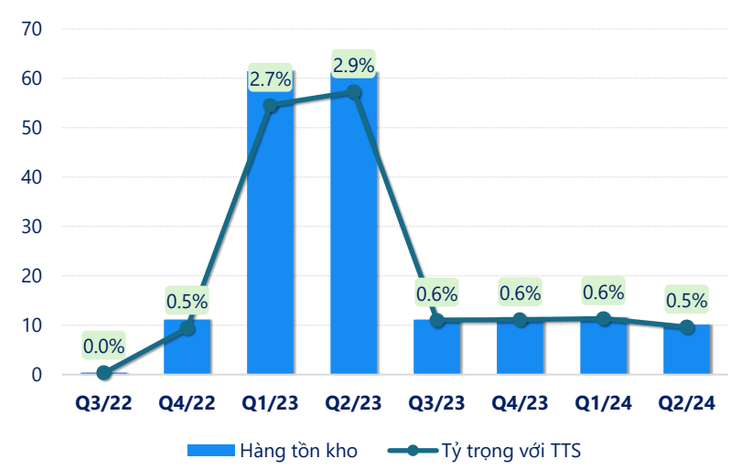
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



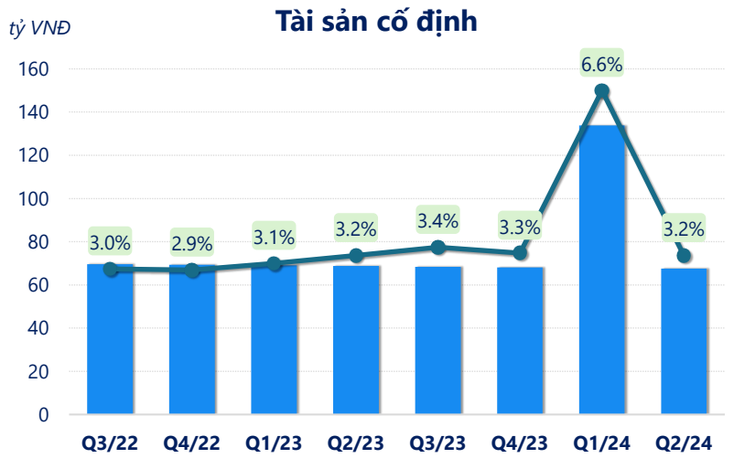
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



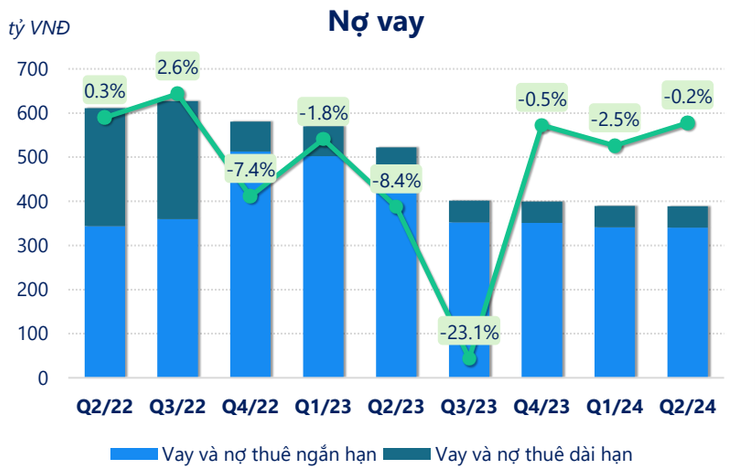
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



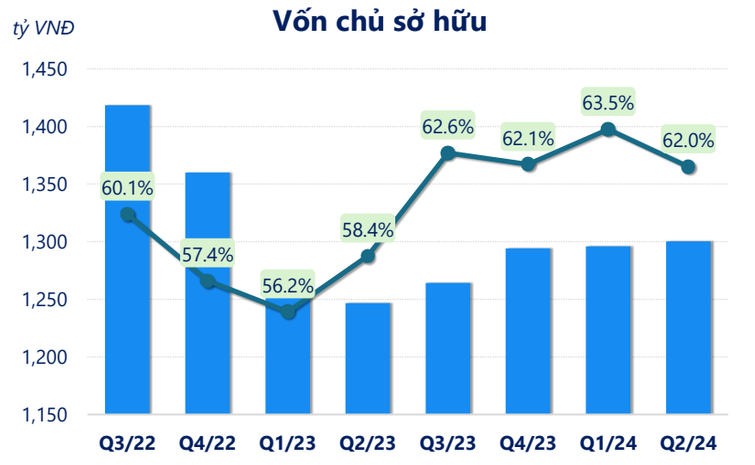
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

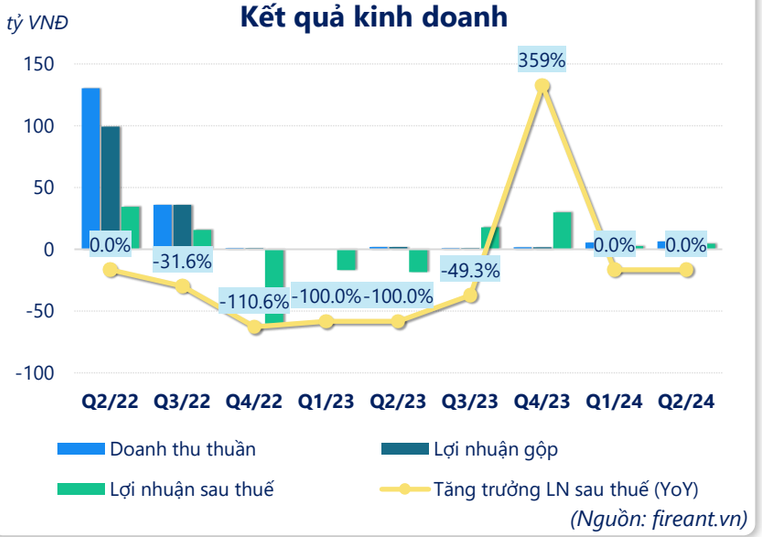
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

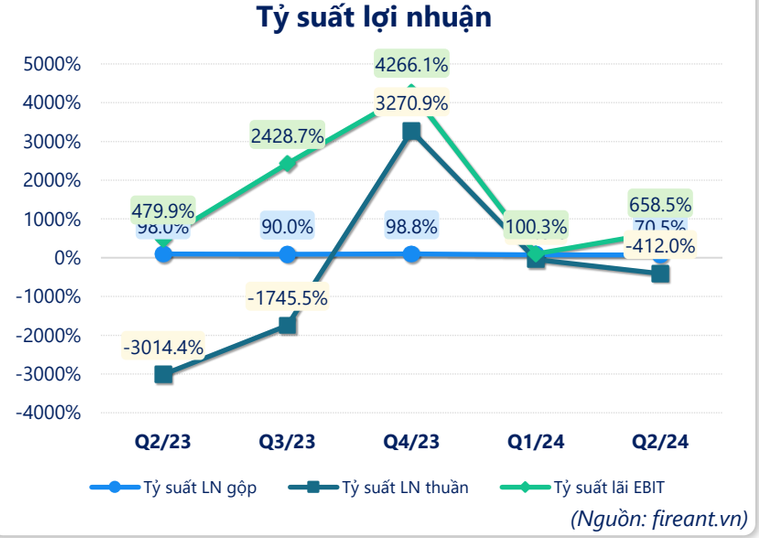
CTCP Tập đoàn Danh Khôi (HNX: NRC)

Kết quả kinh doanh



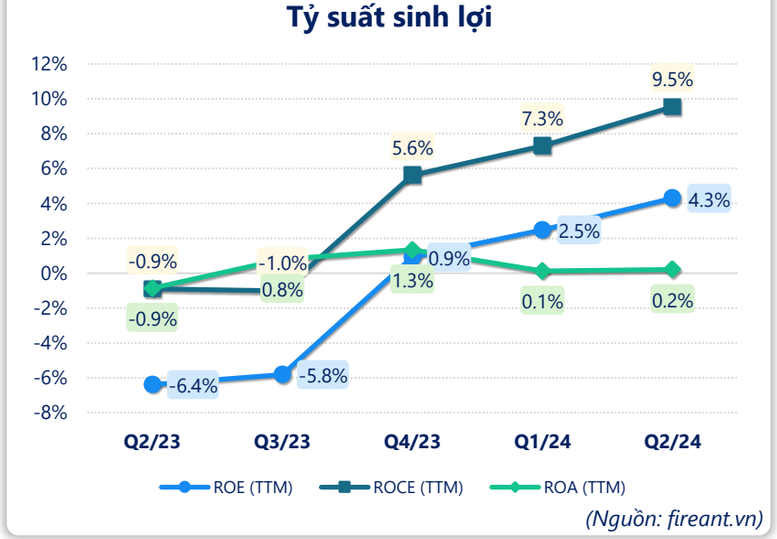
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



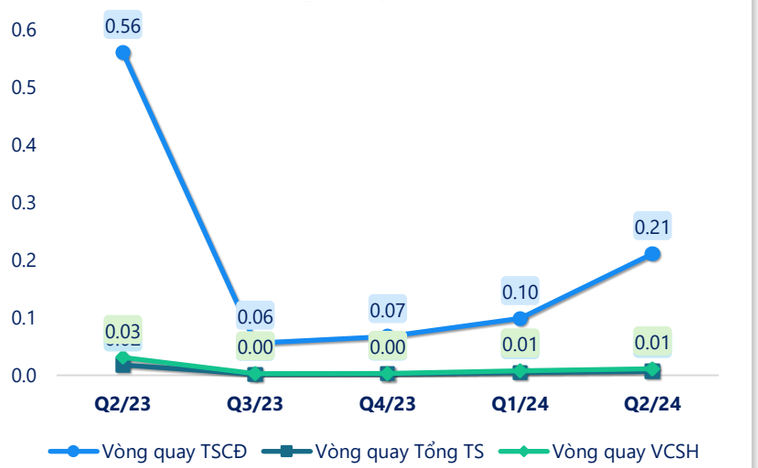
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



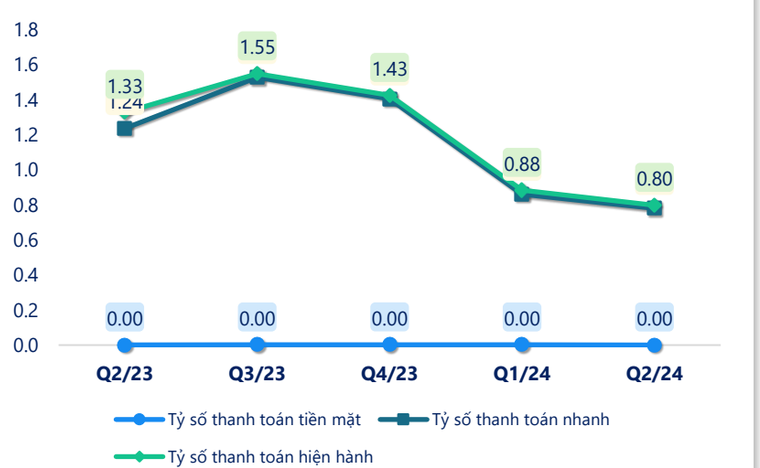
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



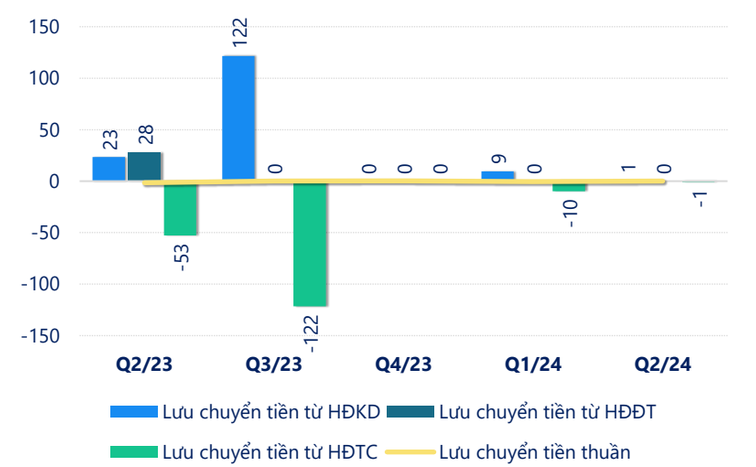
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Danh Khôi (HNX: NRC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,096**	**2,083**	**0.6%**
Tài sản ngắn hạn	458	719	-36.3%
Tiền và tương đương tiền	0.54	0.90	-39.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	446	705	-36.8%
Hàng tồn kho	10.1	11.6	-12.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.48	1.63	-9.2%
Tài sản dài hạn	**1,638**	**1,365**	**20.1%**
Phải thu dài hạn	1,295	1,020	26.9%
Tài sản cố định	67.5	68.1	-0.9%
Bất động sản đầu tư	66.0	66.2	-0.2%
Tài sản dở dang	108	108	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	102	0.3%
Tài sản dài hạn khác	**0.05**	**0.14**	**-61.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	796	789	0.8%
Nợ ngắn hạn	**574**	**567**	**1.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	340	351	-3.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.75	6.71	0.7%
Nợ dài hạn	222	222	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	48.5	48.5	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,300**	**1,294**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,300**	**1,294**	**0.5%**
Vốn điều lệ	926	926	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	1.93	1.05	1.65	5.37	6.32
Giá vốn hàng bán	0.04	0.10	0.02	1.49	1.86
Lợi nhuận gộp	1.89	0.95	1.63	3.89	4.46
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	28.7	4.90	19.9	1.96	25.0
Chi phí lãi vay	27.8	4.00	16.7	1.96	25.0
LN trong công ty LKLD	0.28	-0.50	1.07	0.20	0.13
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	31.7	13.9	-71.1	4.68	5.60
LN thuần từ HĐKD	-58.2	-18.3	53.9	-2.56	-26.0
Lợi nhuận khác	39.6	39.9	-0.34	5.98	42.6
LN trước thuế	-18.5	21.5	53.5	3.42	16.6
Lợi nhuận sau thuế	-18.5	17.7	30.0	2.68	4.44
LNST của CĐ cty mẹ	-18.5	17.7	30.0	2.68	4.47

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.4	122	0.28	9.49	0.92
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	27.8	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-52.8	-122	0	-9.84	-0.94
Tiền đầu kỳ	2.19	0.62	0.61	0.90	0.55
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.56**	**-0.01**	**0.28**	**-0.34**	**-0.01**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.62	0.61	0.90	0.55	0.54

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic